

SỐ 202

KINH HIỀN NGU

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, xứ Kinh châu, quận Cao xương,

Sa-môn Tuệ Giác và các vị khác cùng dịch.

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHẠM THIÊN THỈNH PHÁP

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, tại đạo tràng Thiện thắng. Khi mới thành Phật, Ngài tự nghĩ: “Tất cả chúng sinh do lưới mê mờ, lòng dạ đảo điên, theo lối tà đạo, rất khó giáo hóa, Ta có ở đời cũng vô ích, chi bằng nên sớm vào cõi Niết-bàn Vô dư.”

Khi đó vua cõi Phạm thiên biết Đức Phật suy nghĩ như vậy, liền từ trên trời bay xuống, tới trước làm lễ, rồi quỳ gối chấp tay cung kính thưa với Ngài:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài chuyển vận bánh xe Chánh pháp, chớ vào Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên, vì tất cả chúng sinh bị trần cấu che mờ say mê, tham đắm dục lạc nơi thế tục, không có trí tuệ, vì thế Ta có ở đời cũng chỉ luống công! Nên Ta muốn vào Niết-bàn tịch diệt.

Phạm thiên lại thưa:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, ngày nay biển pháp đã đầy, cờ pháp đã dựng, mong Ngài khai đạo, thời gian đã thích hợp. Hơn nữa những chúng sinh có thể độ được, con xem số đó cũng khá đông nhiều. Vậy vì sao Ngài vào Niết-bàn để cho số chúng sinh non nớt vĩnh viễn mất đi bóng mát che phủ và bảo hộ.

–Bạch Thế Tôn, con nhớ cách đây vô số kiếp, cũng vì chúng sinh nên Ngài từng góp nhặt phương thuốc chánh pháp, cho đến một bài kệ, đến nỗi quên mạng sống, bỏ cả vợ con yêu dấu, để tìm cầu đạo. Vậy vì sao mà Ngài không nhớ nghĩ đến chúng sinh mà bỏ vào Niết-bàn.

Con lại nhớ kiếp quá khứ cách đây đã khá lâu xa có một vị vua tên là Tu-lâu-bà ở châu Diêm-phù-đề, cai trị tám mươi bốn ngàn nước nhỏ, sáu muôn núi sông, tám mươi ức làng xóm, có hai vạn phu nhân và một vạn quan đại thần.

Đối với thời ấy, phúc đức và thế lực của vua Tu-lâu-bà không ai bì kịp, nhân dân thuở đó nhờ đức vua, được an lạc thái bình, mưa hòa gió thuận, vui sướng vô cùng. Một hôm vua tự nghĩ rằng: “Đối với vật chất ta giúp dân đầy đủ, nhưng về tinh thần đạo giáo giải thoát cho con người thì chưa có. Đây là cái lỗi của ta, thật khổ làm sao! Nay ta phải tìm cầu chánh pháp kiên cố chân thật để cho tất cả đạt được giải thoát.”

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ vua cho ban lệnh khắp trong cõi Diêm-phù: “Nếu ai biết đạo giải thoát của Đức Phật, nói cho ta hay, muốn gì ta sẽ cung cấp cho đầy đủ, không làm trái ý.”

Tuyên lệnh đã lâu, nhưng không thấy ai đến nói, nhà vua luôn luôn mong mỏi và tâm ý lúc nào cũng không được vui. Sau đó vua Tỳ-sa-môn thấy vậy bèn đến thử vua, liền biến hình làm một con quỷ Dạ-xoa, mặt xanh lè, mắt đỏ như huyết, răng mọc chìa ra ngoài, tóc dựng ngược, mồm phun lửa đến trước cửa cung, nói:

–Ai muốn nghe pháp tôi sẽ giảng cho.

Nhà vua nghe nói, lòng vui mừng khôn tả, tự mình ra đón tiếp mời vào đích thân làm lễ, sai sửa soạn tòa ngồi cao trọng, mời Pháp sư thăng tòa, cho gọi mọi người đến, cung kính nhiễu quanh, mong được nghe pháp.

Pháp sư nói:

–Học pháp rất khó, ông muốn được nghe không phải dễ.

Nhà vua thưa:

–Kính thưa Pháp sư, việc nghe pháp phải đúng lễ thể nào, xin cho chúng tôi được rõ không dám trái ý.

Pháp sư nói:

–Nếu nhà vua đem vợ yêu con quý cho ta ăn, thì ta sẽ nói cho nghe.

Lúc ấy vua liền đem vợ con yêu quý cúng nạp cho quỷ Dạ-xoa. Pháp sư nhận rồi, ngồi trên tòa cao, giữa đám hội đông người nghiêm nhiên ngồi ăn, nháy mắt đã ăn hết.

Khi đó quần thần, dân chúng thấy nhà vua hành động như vậy tất cả đều khóc lóc, áo não, vật vã, khuyên nhà vua nên ra lệnh hủy bỏ việc làm này. Nhưng nhà vua do một lòng cầu pháp nên tâm không lay chuyển. Ăn xong, Dạ-xoa nói một bài kệ:

*Tất cả hành vô thường
Có sinh tất phải khổ!
Năm ấm không, vô tướng
Ngã, ngã sở đều không.*

Nhà vua nghe xong vui vẻ khôn xiết, sai người chép lấy, để ban pháp cho mọi người trong nước, bắt ai cũng phải tụng đọc.

Bấy giờ vua Tỳ-sa-môn liền hiện lại nguyên hình, ca ngợi:

–Thật cao thượng! Thật đặc thù!

Nói xong, bỗng nhiên lại thấy phu nhân và thái tử hầy còn toàn vẹn.

–Bạch Thế Tôn, vua Tu-lâu-bà thuở đó chính là Ngài. Xưa kia Ngài đã hy sinh vì pháp như vậy, sao nay Ngài nỡ bỏ chúng sinh để vào Niết-bàn mà không giáo hóa, cứu độ?

Lại nữa, bạch Thế Tôn, vào thời quá khứ xa xưa a-tăng-kỳ kiếp về trước ở châu Diêm-phù-đề này, có một vị vua tên là Kiên-xà-ni-bà-lê, thống trị nhiều nước, tám vạn bốn ngàn dân làng, hai muôn phu nhân và thể nữ, một vạn quan đại thần. Nhà vua nhân từ, yêu thương tất cả, nhân dân sung sướng, lúa gạo dư thừa. Cảm phục ân đức coi vua như cha lành.

Nhà vua tự nghĩ như vậy: “Ta được đại vị cao sang, tôn trọng quý giá! Nhân dân trong nước được an vui sung sướng! Tuy thế nhưng chưa đủ, ta muốn tìm cầu chánh pháp cao siêu, nhiệm mầu để đem lại lợi lạc cho thần dân.”

Nghĩ thế rồi, vua sai các quan viết bằng cáo thị và truyền lệnh cho khắp trong nước biết: “Nếu ai có Diệu pháp nói cho ta nghe, ý muốn gì ta sẽ cung cấp cho đầy đủ.”

Lúc đó, có vị Bà-la-môn tên là Lao-độ-sai, đi tới cung môn nói:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Tôi có Diệu pháp, các ông vào báo cho vua biết.

Nhà vua nghe nói, ý rất vui mừng, tự ra nghênh tiếp lễ bái và cho sửa soạn một tòa cao đẹp, mời Pháp sư lên tòa ngồi yên tĩnh. Vua và hai bên tả hữu chấp tay thưa:

–Mong ngài rủ lòng thương xót đến chúng tôi mà mở bày chánh pháp nhiệm mầu để cho chúng tôi được thấu hiểu.

Lao-độ-sai đáp:

–Ta có được trí tuệ cũng phải mất bao công khó nhọc, tìm mãi ở phương xa, dày công học tập, không phải là một việc dễ dàng quá như vậy.

Nhà vua thưa:

–Kính thưa Đại sư, ý Đại sư như thế nào, xin dạy bảo cho chúng tôi được rõ?

Lao-độ-sai nói:

–Nhà vua muốn được nghe pháp, thì phải khoét trên mình ra một ngàn lỗ, đổ dầu cho bốc vào, đốt lửa cúng dường ta, ta sẽ thuyết cho nghe.

Nghe vậy, nhà vua vui vẻ nhận lời và khất lại bảy ngày, để thông báo cho dân chúng biết. Lời thông báo như sau: “Tất cả quốc dân nên biết, vua Kiền-xà-ni-bà-lê sau bảy ngày nữa vì sự cầu đạo, sẽ khoét trên mình một ngàn lỗ, đốt đèn cúng dường Pháp sư, ai muốn nghe và xem sự hy sinh cúng dường của nhà vua thì đến.”

Bấy giờ các vị vua nước nhỏ và nhân dân các nước, hay tin ai cũng buồn rầu, cùng nhau đến yết kiến và tâu:

–Kính thưa đại vương, tất cả muôn dân đều nương nhờ vào phúc đức của đại vương nên được an lạc thái bình, như kẻ mù được nhờ cây gậy, con dại trông ngóng mẹ hiền. Nếu đại vương khoét mình đốt lên, tất nhiên tuyệt mạng, thì muôn dân trông cậy vào ai? Xin Ngài không nên vì một người mà nỡ bỏ chúng sinh trong thiên hạ.

Sau đó hai vạn bà phu nhân và năm trăm thái tử, một vạn quan đại thần, tất cả đều can vua việc đó.

Nhà vua liền lớn tiếng nói:

–Các ông không nên cản trở tôi cầu đạo Vô thượng, tôi hy sinh thân này là để cầu làm Phật, sau này tôi thành Phật, tôi sẽ độ cho các ông trước.

Họ thấy nhà vua khảng khái như vậy, ai nấy đều tha thiết kêu van, nhưng vua cũng quyết định không thay đổi ý kiến.

Hết hạn bảy ngày, nhà vua tới trước Pháp sư làm lễ và thưa:

–Kính thưa Đại sư, tôi xin dốc lòng thành kính, theo lời chỉ giáo của Đại sư bắt đầu khoét mình đốt đèn cúng dường, xin Đại sư hoan hỷ!

Nói xong nhà vua sai khoét lỗ đổ dầu trên thân mình, nhưng không ai dám làm. Sau đó có người Chiên-đà-la đến khoét hộ cho vua. Anh này khoét xong, vất dao xuống đất chạy mất. Khi đổ dầu bỏ bốc xong, mọi người coi thấy ai cũng rùng mình run sợ.

Nhà vua thưa:

–Kính xin Đại sư thuyết pháp trước, sau sẽ đốt lửa, sợ mạng tôi tuyệt thì không được nghe pháp.

Lao-độ-sai đọc bài kệ:

*Thường đến đoạn tận
Cao thì phải rơi
Hợp rồi có tan
Sinh thì có tử.*

Đọc xong, vua sai đốt lửa, trong khi lửa cháy vua vẫn hoan hỷ không hề hối tiếc.

Ngài tự phát thệ rằng:

–Tôi nay cầu nghe đạo giải thoát, nguyện đem công đức này hướng về Phật quả, sau khi được thành, tôi sẽ lấy trí tuệ quang minh, phá ngu si hắc ám cho tất cả chúng sinh.

Nói dứt lời thì trời đất tự nhiên chuyển động tới cõi trời Tịnh cư. Khi đó các vị cõi trời ngó xuống xem, thấy một vị Bồ-tát đốt mình làm đèn cúng dường Pháp sư để nghe pháp không tiếc thân mạng. Họ bay xuống đứng kín cả hư không. Vì quá cảm động nên nhiều vị tuôn nước mắt như cơn mưa lớn, đồng thời họ lại tung hoa xuống để cúng dường. Vua Đế Thích đến tận nơi, tới trước khen và hỏi:

–Nhà vua đau khổ như vậy, có hối hận gì không?

Nhà vua đáp:

–Thưa không!

Đế Thích nói:

–Tôi thấy nhà vua run rẩy không yên như vậy mà tự nói không hối, lấy gì chứng cứ biết rõ được?

Đế Thích nói dứt lời, thì ngài tự thệ:

–Nếu tâm tôi thủy chung như một, không hối hận gì, thì xin những vết trên mình tôi, lại được bình phục như cũ.

Vì lòng chân thực cầu đạo pháp tha thiết, cảm động mười phương, nên những lỗ trên mình tự nhiên lại được bình phục như cũ, thân thể lại tốt đẹp hơn xưa.

Bạch Thế Tôn, vị vua khoét mình để đốt đèn cầu đạo thuở đó, chính là Ngài đấy. Ngài đã cực khổ cầu pháp như vậy vì chúng sinh, duyên tới nay đã đầy đủ, tại sao không thuyết pháp, lại sớm vào Niết-bàn, để chúng sinh mất đi ánh sáng chánh pháp vĩ đại?

Bạch Thế Tôn, lại nữa, vào kiếp quá khứ, ở châu Diêm-phù-đề này có một vị vua, tên là Tỳ-lăng-kiệt-lê, thống trị được nhiều nước, tám vạn bốn ngàn dân làng, hai vạn phu nhân và thể nữ, năm trăm thái tử, một vạn quan đại thần. Nhà vua có nhân đức, coi dân như con đẻ, lại muốn nghe chánh pháp, nên sai quan đại thần tuyên lệnh cho toàn quốc biết như sau: “Thông báo cho toàn quốc biết: Hoàng thượng muốn được nghe Phật pháp, ai biết đến nói cho ngài nghe, ngài sẽ trọng thưởng tùy ý muốn.”

Sau đó có một người dòng Bà-la-môn, tên là Lao-độ-sai tới cung môn nói:

–Tôi là người đã từng nghiên cứu và tu tập giáo lý của Phật, xin ông hãy vào tâu Hoàng thượng cho.

Theo lời yêu cầu của Lao-độ-sai, quan giữ cửa vào tâu vua.

Nhà vua được tin rất vui vẻ, tự thân ra nghênh tiếp đánh lễ trình trọng chào hỏi, rồi mời vào trong chánh điện, thiết đãi trọng hậu, rồi sai bày một tòa cao đẹp, thỉnh Pháp sư thăng tòa.

Nhà vua và bá quán, nghiêm chỉnh thân tâm, tới trước Pháp sư cúi đầu lễ lạy, rồi quỳ xuống thưa:

–Kính thưa Đại sư phát tâm Từ bi, thuyết pháp cho chúng tôi được thừa ân công đức?

Lao-độ-sai đáp:

–Sự hiểu biết của ta đây, là do ta chịu khổ đã lâu năm, đi tìm học ở bốn phương xa mới được. Nhà vua coi sự học một cách dễ dàng quá!

Nhà vua một lòng kính cẩn thưa rằng:

–Tất cả những gì cần thiết mong Đại sư cứ nói, tôi không lẫn tiếc một điều gì.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đại sư trả lời:

–Nhà vua có thể đóng lên mình một ngàn cái đinh sắt, được như vậy ta sẽ thuyết pháp cho nghe.

Nhà vua thưa:

–Vâng! Xin tuân lời dạy bảo của Đại sư. Xin ngài cho lui lại bảy ngày rồi sẽ thực hiện việc đó.

Bấy giờ nhà vua sai người lên tám muôn cỗ xe voi, đi khắp mọi nơi trong cõi Diêm-phù-đề loan báo cho mọi người biết: “Vua Tỳ-lăng-kiệt-lê vì muốn được đạo giải thoát cho chính mình và toàn thể, nên đóng một ngàn cây đinh trên thân thể mình, cúng dường Pháp sư. Quốc dân ai muốn biết sự thực hành của vua, sau bảy ngày nữa xin mời đến.”

Dân chúng được tin nhà vua đóng đinh trên mình để cầu nghe giảng đạo, họ nô nức kéo nhau đến kinh thành rất đông. Sau đó một đại biểu của dân chúng lên tâu vua:

–Kính tâu Hoàng thượng, lũ chúng tôi thay mặt cho toàn thể quốc dân, đến đây kính mừng Thánh thượng, thọ lạc thiên thu, hưởng phúc lâu dài. Chúng tôi tự biết nhờ ân đức của Hoàng thượng nên được thái bình an lạc, cúi xin thương đến toàn thể quốc dân, miễn bỏ sự đóng đinh trên mình.

Sau đó, tiếp đến phu nhân, thể nữ, thái tử, quan đại thần cũng đồng thanh tâu vua xin miễn bỏ việc đó.

Nhà vua đáp:

–Tôi nhận thấy đã bao kiếp tới nay, bị sống thác trong vòng sinh tử luân hồi, thân mạng đã mất đi biết bao lần; những thân mạng ấy cũng chỉ đeo những tấm lòng tham dục, giận tức, ngu si, nhìn lại số xương thịt trong những kiếp sinh tử ấy, có thể chất cao hơn núi Tu-di, đầu rơi máu chảy ra nhiều hơn năm nước sông lớn; nước mắt khóc người thân nhiều hơn nước bốn biển; những thân mạng sống chết đó, chẳng qua cũng chỉ uổng mà thôi, chưa từng bao giờ vì đạo pháp mà hiến thân. Tôi đóng đinh cúng Pháp sư để cầu thành Phật, sau khi thành Phật, tôi sẽ lấy trí sáng suốt để trừ diệt bệnh kết sử của các người và đưa dắt các người lên đường giác ngộ giải thoát thành Phật, làm sao mà ngăn chặn đạo tâm của tôi được.

Theo lời nhà vua tuyên bố, mọi người ai nấy đều im lặng, không dám nói năng gì nữa.

Tới giờ phút này nhà vua đến trước Pháp sư thưa:

–Kính xin Đại sư ra ân, thuyết pháp trước khi đóng đinh, nếu đóng trước, thì sợ rằng tôi sẽ chết không được nghe.

Đại sư đọc bài kệ:

*Tất cả đều vô thường
Có sinh đều có khổ.
Các pháp không, vô chủ
Chẳng có ngã sở hữu.*

Sau khi Đại sư thuyết kệ xong, vua liền cho người đóng một ngàn cây đinh vào thân thể mình. Tất cả các vị vua nước nhỏ và quần thần, dân chúng trong đại hội đều gieo mình xuống đất như núi băng lớn, vật vã khóc lóc, không còn hay biết gì. Bấy giờ trời đất sáu lần chấn động, chư Thiên các cõi Dục và Sắc thấy điều kỳ lạ bay xuống, thấy một vị Bồ-tát đang khốn khổ vì mong cầu chánh pháp mà làm thương hại đến bản thân, ai nấy đều cảm động, đôi lệ chứa chan, một lòng tôn kính, tung hoa xuống cúng dường. Vua trời Đế Thích xuống tận nơi hỏi:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Nhà vua tinh tấn dũng mãnh, cầu đạo không tiếc mạng sống như vậy, ý mong muốn điều gì? Làm Đế Thích ư, làm Chuyển luân vương ư, làm Ma vương, Phạm vương ư?

Vua đáp:

–Thưa ngài, tôi quên mình để cầu đạo giải thoát của Phật, để cầu làm Phật và tế độ cho chúng sinh cũng được giải thoát, chứ tôi không cầu phúc báo ở ba cõi sinh tử như Đế Thích, Chuyển luân vương, Ma vương hay Phạm vương.

Đế Thích hỏi:

–Tôi coi nhà vua đau đớn như thế, thì tâm có hối hận gì không?

Vua đáp:

–Không!

Đế Thích hỏi:

–Ngài nói không hối hận thì lấy gì chứng tỏ?

Nhà vua liền lập thệ như sau:

–Với tâm chí thành cầu đạo Bồ-đề, nếu tâm không hối hận, thì thân thể tôi nay lại được bình phục như cũ.

Phát thệ dứt lời, thân thể vua quả nhiên lại được bình phục như cũ. Khi đó tất cả trời, người và quan quân, dân chúng, ai nấy đều vui mừng không tả xiết!

–Bạch Thế Tôn, nay biển pháp đã tràn đầy, công đức đã đầy đủ, sao Ngài lại muốn bỏ chúng sinh, mau vào Niết-bàn không thuyết pháp hóa độ chúng sinh được.

Bạch Thế Tôn, vào quá khứ xa xưa cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp cũng ở châu Diêm-phù-đề này, có một vị vua tên là Phạm thiên, sinh được một thái tử tên là Đàm-ma-kiêm, yêu thích chánh pháp, sai người đi khắp bốn phương tìm cầu, nhưng không được thỏa mãn. Do tìm cầu chánh pháp không được, thái tử sinh ra sầu ưu, áo não.

Bấy giờ vua Đế Thích biết thái tử lòng thành như vậy, liền hóa thân làm người dòng Bà-la-môn, đi đến trước cửa cung nói:

–Tôi là người hiểu biết Phật pháp, nếu ai muốn nghe, tôi sẽ giảng giải cho.

Thái tử nghe như vậy, liền ra cung đón rước, đánh lễ, mời vào đại điện, cho sửa soạn chỗ ngồi, cung thỉnh an tọa, chấp tay thưa:

–Cúi mong Đại sư rủ lòng thương xót, thuyết pháp cho chúng tôi.

Vị Bà-la-môn nói:

–Học đạo rất khó, ta đã biết bao công trình tìm thầy tu học, mới được hiểu biết. Người chưa chút khó nhọc, nay muốn được nghe ngay, thực là coi sự học đạo dễ dàng quá.

Thái tử thưa rằng:

–Kính thưa Đại sư, từ thân tôi cho đến vợ con tôi, vàng bạc châu báu, Đại sư dạy bảo thế nào, chúng tôi xin tuân mệnh không dám trái ý.

Đại sư đáp:

–Muốn nghe pháp, thái tử hãy đào một hố lớn, sâu chừng mười trượng, ở dưới đốt than cho thật đỏ hồng, rồi thái tử nhảy vào hố lửa ấy cúng dường ta, thì ta sẽ thuyết pháp.

Thái tử nói:

–Vâng, xin tuân lời chỉ dạy của Đại sư.

Sau khi thái tử sai người đào hố thì nhà vua biết tin. Từ vua cho đến tất cả mọi người trong hoàng cung, ai ai cũng lo phiền và khuyên can, nhưng thái tử quên mình vì

sự cầu đạo giải thoát, nên không nghe theo những lời khuyên can ấy.

Nhà vua và các quan đều thưa với Đại sư rằng:

–Kính mong Đại sư thương đến chúng tôi, để miễn bỏ việc thái tử nhảy xuống hố lửa, ngoài ra Đại sư muốn dùng gì chúng tôi xin dâng.

Đại sư đáp:

–Việc đó tùy ý thái tử, ta không bó buộc. Đúng thế thì ta thuyết pháp, bằng không thì thôi.

Nhà vua thấy tâm địa của Đại sư quá khảng khái, nên ngài cũng vái chào rồi trở ra về, không nói năng gì nữa. Trở về nhà vua sai người đi bằng tám vạn xe voi báo cho quốc dân trong cõi Diêm-phù-đề biết rằng: “Sau bảy ngày nữa thái tử Đàm-ma-kiêm vì nghe đạo nên xả thân, nhảy xuống hố lửa, ai muốn thấy việc đó, thì lại sớm nơi đây.”

Các tiểu vương và nhân dân được tin thái tử nhảy xuống hố lửa, họ nô nức kéo nhau đi đến kinh thành đông như hội. Sau đó một số đại biểu của nhân dân tới thưa với thái tử:

–Kính thưa thái tử, chúng tôi là thân dân gặp được thái tử như gặp được cha mẹ, nay ngài nhảy xuống hố lửa, khiến thiên hạ bị mất cha, suốt đời không còn nơi nương tựa. Vậy kính mong ngài miễn bỏ việc đó, để cho quốc gia được an lạc.

Thái tử nói với mọi người:

–Chúng ta sống thác từ đời vô thủy cho tới nay thật vô số, chết cõi này sinh cõi kia, con người vì lòng tham dục, nên giết hại lẫn nhau. Trên cõi trời, khi hết tuổi thọ thì lo về mất hưởng thụ dục lạc; nơi địa ngục lửa đốt suốt ngày đêm, nào nước sôi, búa chém, dao đâm, núi dao, rừng kiếm, hình phạt vô cùng thảm khốc, trong một ngày chết đi sống lại biết bao lần, thân tâm thống khổ không thể giải bày cho xiết. Cái khổ trăm thứ tên độc xiên dùi vào mình loài ngựa quý. Cái khổ kéo cày chở nặng của loài súc sinh, sau lại dâng thân cho con người ăn thịt, những nỗi khổ như thế, khó nói hết trong những kiếp đã chịu đọa đày. Xét lại những thân mạng ấy chỉ uổng mà thôi, có làm được một việc gì về vấn đề giải thoát cho chính mình và chúng sinh trong pháp giới, ai đã biết đem thân ấy chết về việc nghe đạo bao giờ. Ta đem dâng thân này, cúng dường để nghe đạo giải thoát, sau thành Phật, ta sẽ đem lại cho các ông năm phần pháp thân, cố chi phải ngăn cản công việc ta đã quyết định làm.

Mọi người nghe thái tử nói xong, ai nấy đều im lặng không dám trả lời.

Đứng bên miệng hố lửa, thái tử thưa vị Bà-la-môn:

–Kính thưa Đại sư, xin thuyết pháp cho tôi nghe trước khi nhảy xuống hố, kẻo không được nghe chánh pháp.

Vị Bà-la-môn bèn đọc bài kệ:

*Thường làm theo tâm Từ
Trừ bỏ tưởng, giận hại
Đại bi thương chúng sinh
Quặn lòng rơi nước mắt!
Tu tập tâm đại Hỷ
Với mình cùng đắc pháp
Cứu giúp bằng đạo lý
Ấy là hạnh Bồ-tát.*

Khi thái tử sắp gieo đầu xuống hố lửa, vua Đế Thích và Phạm vương chạy lại cầm tay hỏi:

–Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề không ai là không nương nhờ hồng ân của thái tử, nay thái tử quyết định gieo mình xuống hầm lửa thì thiên hạ giống như con mất cha, vì sao một mình ngài ra đi mà bỏ cả thiên hạ.

Thái tử tạ Thiên vương và thần dân:

–Quý ngài không nên cản trở đạo tâm cao cả của tôi làm gì.

Tất cả trời, người đều im lặng. Nói xong thái tử nhảy xuống hố lửa. Trời đất tự nhiên chuyển biến làm cảm động cả Thiên cung. Khi đó mọi người đều sa nước mắt, lệ tràn như mưa. Ngay khi ấy hố lửa tự nhiên biến thành một ao sen, họ nhìn vào thấy thái tử ngồi trên đài sen. Lúc đó hoa trên trời bay xuống như mưa ngập ngang gối.

Nhà vua thuở đó nay là thân phụ Ngài, Tịnh Phạn vương; vị hoàng hậu thuở đó nay là thân mẫu Ngài, Ma-da; vị thái tử nhảy xuống hố lửa nay chính là Ngài. Vì cứu độ chúng sinh nên Ngài thuở xưa đã cầu pháp như thế, nay đã thành công, Từ bi thuyết pháp, thấm nhuần cho muôn loài đang khao khát. Sao Ngài nỡ bỏ tất cả mà vào Niết-bàn, không chịu thuyết pháp?

Kính bạch Thế Tôn, lại nữa, vào thời quá khứ xa xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một nước tên là Ba-la-nại, nước ấy có năm trăm vị Tiên tu trong núi, ông Uất-đa-la làm thầy các vị Tiên này. Tuy tu theo Tiên đạo, nhưng ông hằng mong được gặp chánh pháp của Như Lai. Ông đã từng đi khắp bốn phương trời và thông báo cho thiên hạ biết rằng: “Ai biết chánh pháp nói cho tôi nghe, nếu muốn dùng gì tôi xin dâng biếu.”

Khi đó có một vị Bà-la-môn tới chỗ ông nói rằng:

–Tôi hiểu biết giáo pháp của Như Lai, ai muốn nghe, tôi sẽ giảng thuyết.

Vị thầy Tiên nhân chấp tay nói:

–Cúi xin thương xót nói pháp cho tôi.

Vị Bà-la-môn nói:

–Học pháp rất khó, cần khổ lâu năm mới đạt được. Nay vì sao ông lại muốn nghe ngay, không thể được. Nếu ông chí thành muốn được nghe pháp thì phải theo sự dạy bảo của tôi.

Đại Tiên thưa:

–Lời giáo huấn của Đại sư, tôi không dám trái.

Vị ấy liền nói:

–Nếu ngài có thể lột da của ngài làm giấy; chẻ xương của ngài dùng làm bút; lấy máu của ngài để làm mực, viết lấy giáo pháp của Như Lai, thì tôi sẽ thuyết pháp cho ngài nghe.

Uất-đa-la nghe lời ấy xong, vô cùng vui mừng, tôn kính lời Phật dạy nên lập tức sai người lấy dao lột da, chẻ xương, lấy máu. Làm xong ông ngửa mặt thưa rằng:

–Nay đã đúng thời nói pháp, cúi xin Đại sư mau nói.

Vị Bà-la-môn đọc bài kệ:

*Thường phải nhiếp thân hành
Và không sát, trộm, dâm
Không hai lưỡi, nói ác
Nói dối, nói đơm đặt,
Tâm không tham mọi dục
Không sân giận, độc tưởng
Xa lìa mọi tà kiến
Ấy là hạnh Bồ-tát.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Vị Bà-la-môn nói xong, vị Tiên tự tay viết lại và sai người sao chép bài kệ này truyền bá khắp nhân gian để dạy bảo cho mọi người biết lối tu hành.

Bạch Thế Tôn, thuở xưa Ngài đã vì chúng sinh cầu học đạo một cách khổ cực đến như vậy mà tâm không hề hối hận, nay tại sao lại bỏ tất cả để vào Niết-bàn mà không thuyết pháp?

Bạch Thế Tôn, lại nữa, vào thời quá khứ xa xưa, cách nay vô lượng kiếp, cũng châu Diêm-phù-đề này, có một vị vua tên là Thi-tỳ, ở thành Đề-bà-bạt-đề, dân nước lúc đó giàu thịnh vô cùng. Nhà vua thống trị tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, sáu muôn núi sông, tám ngàn ức dân ấp. Nhà vua có hai muôn phu nhân và thể nữ, năm trăm thái tử, một vạn quan đại thần, vua có hạnh từ bi, thương dân như con ruột.

Lúc ấy vua Đế Thích gặp lúc năm đức lìa thân, sắp tới ngày tận số, khí sắc lúc nào cũng âu sầu, vị trời Tỳ-thủ-yết-ma thấy thế, bèn hỏi:

–Tâu Thiên vương, ngài lo lắng việc gì mà khí sắc âu sầu như vậy?

Đế Thích đáp:

–Khanh không biết hay sao? Hoa trên đầu ta đã héo, tử chướng đã xuất hiện, mạng sống chẳng còn được là bao, hiện nay ở thế gian không có giáo pháp của Như Lai cũng không còn các vị Bồ-tát, ta không biết quy hướng về đâu nên ta buồn!

Tỳ-thủ-yết-ma thưa:

–Tâu Thiên vương, hiện nay ở thế gian thuộc châu Diêm-phù có một vị vua tu theo hạnh Bồ-tát, tên là Thi-tỳ, tâm ý rất bền vững và tinh tấn, sau này quyết định thành Phật. Xin Thiên vương tới đó quy y thì sẽ được hoàn thành ý nguyện và giải thoát.

Vua Đế Thích nói:

–Nếu quả như lời của khanh nói, thì may cho ta lắm, nhưng phải thử xem hư thực thế nào. Vậy khanh hóa làm con chim bồ câu, ta hóa làm chim cắt, khanh bay trước ta bay đuổi theo sau. Khi tới nơi khanh bay vào lòng nhà vua và yêu cầu vua cứu, còn ta đến sau ta sẽ đòi trả để ăn thịt, xem nhà vua giải quyết thế nào.

Tỳ-thủ-yết-ma nói:

–Tâu Thiên vương, Bồ-tát là bậc xứng đáng để chúng ta cúng dường và ủng hộ, chứ không nên làm những sự đau khổ đến Bồ-tát.

Vua Đế Thích liền đọc bài kệ đáp:

*Ta phải chẳng ác tâm
Nếu thật vàng nên thử
Để thử Bồ-tát xem
Có thật chí thành không?*

Vua Đế Thích đọc xong, Tỳ-thủ-yết-ma tự hóa làm chim bồ câu bay trước, vua Đế Thích hóa làm chim cắt bay đuổi theo sau. Khi tới cung thành, chim bồ câu bay thẳng vào lòng nhà vua tỏ vẻ sợ hãi, rồi kêu vua cứu. Chim cắt bay tới sau, đứng ở trên điện nói:

–Tâu thiên vương, con chim bồ câu ấy là món ăn của tôi.

Chim cắt bay lại cạnh nhà vua, nói tiếp:

–Tâu thiên vương, ngài hãy mau trả lại cho tôi, tôi đang rất đói.

Vua Thi-tỳ đáp:

–Ta vốn có thế nguyện cứu tế cho muôn loài, nó đã lại đây với ta thì ta không trả đâu.

Chim cắt lại nói:

–Tâu thiên vương, ngài tự nói cứu tế cho muôn loài, mà cướp món ăn của tôi thì tôi phải chết đói, vậy tôi không phải là một trong muôn loài hay sao?

Vua đáp:

–Nếu ta cho người thứ thịt khác thì người có ăn hay không?

Chim cất nói:

–Tâu Thiên vương, vâng! Nhưng phải cho tôi thứ thịt hãy còn tươi, máu hãy còn nóng, thì tôi mới dùng.

Nhà vua thầm nghĩ: “Nếu thế thì phải giết một con vật khác; nhưng nếu giết một con, cứu một con cũng vô ích, chi bằng ta cắt thịt của ta thay thế cho nó là hơn.” Nghĩ xong, vua lấy dao cắt một miếng thịt đùi ra trao cho chim cất để cứu sống chim bồ câu.

Chim cất nói với nhà vua:

–Tâu thiên vương, ngài đã mang danh là vị đại thí chủ, đã dùng con mắt bình đẳng đối với tất cả, tôi đây tuy là một con chim nhỏ, nhưng nếu theo sự công bình, thì ngài phải mang cân để chim một bên thịt một bên; thịt và chim bằng nhau thì tôi sẽ nhận.

Theo lời chim nói có lý phải, nên nhà vua sai người mang cân để chim một bên để thịt nhà vua một bên, bắt đầu để một miếng hãy còn nhe, lại cắt thêm miếng nữa, vẫn thấy còn nhe, cho đến nhà vua cắt hết một vế đùi, nhưng vẫn nhe như thường, sau cắt hết hai vế đùi cho đến hai cánh tay, hai bạng mỡ xong vẫn còn nhe, sau róc hết các thớ thịt ra để lên cũng vẫn còn thấy nhe, chim vẫn nặng hơn, nhà vua liền đứng dậy để bước lên bàn cân, thì đau quá, khí lực đã hết nên ngài ngã lăn xuống đất, mê mết không biết gì. Giờ lâu tỉnh lại, vua thầm nghĩ: “Ta từ bao kiếp đến nay, cũng chỉ vì có thân này, mà làm cho ta khốn khổ, chìm nổi trong ba cõi, nếm đủ tất cả mùi vị đắng cay, chưa từng làm việc phước đức. Nay, ta phải tinh tấn lập hạnh không giải đãi.” Suy nghĩ xong, vua dũng mãnh đứng lên vào bàn cân, trong tâm hoan hỷ đối với việc lành đã được thực hiện.

Bấy giờ trời đất tự nhiên chuyển động sáu cách, Thiên cung nghiêng ngả, có rất nhiều vị Thiên tử ở các cõi trời bay xuống xem. Họ thấy một vị vua quên mình để cứu một con vật, tất cả nhân gian thiên thượng, chưa từng ai làm nổi. Họ đều cảm động rơi lệ chứa chan và tung các thứ hoa xuống cúng dường.

Lúc ấy Đế Thích trở lại thân trời, đứng trước vua hỏi:

–Ngài làm những việc mà người đời không làm nổi như vậy để cầu làm gì? Nay ngài mong làm Đế Thích, Chuyển luân thánh vương hay Ma vương? Trong ba cõi ngài mong cầu làm gì?

Bồ-tát đáp:

–Thưa ngài, tôi nguyện đem lòng Từ bi cứu hộ chúng sinh để cầu thành Phật, chứ không có ý cầu làm Đế Thích hay Chuyển luân thánh vương mong hưởng những thú vui trong ba cõi.

Vua Đế Thích nói:

–Đại vương cắt thịt đau đớn như vậy, thì tâm có hối hận không?

Đáp:

–Thưa không!

Vua Đế Thích nói:

–Nhà vua nói không, việc đó thì ai biết? Tôi thấy thân thể nhà vua run rẩy như vậy, khí sắc đã gần hết mà tự nói không thì lấy gì làm bằng?

Nhà vua liền lập thệ:

–Tôi từ trước đến nay, không mảy may hối hận, tâm nguyện của tôi quyết sẽ đạt kết quả. Nếu lòng tôi chí thành không trái với lời nguyện của tôi thì cho thân thể của tôi liền được bình phục.

Thệ nguyện dứt lời, thân thể nhà vua lại được lành mạnh như cũ, những vết thương tiêu tan da dẻ lại tươi sáng hơn xưa. Bấy giờ tất cả trời người, ai nấy đều vui mừng, khen la một việc chưa từng có.

Bạch Thế Tôn, ngày trước Ngài vì chúng sinh chẳng kể đến thân mạng như vậy. Nay bạch Thế Tôn, biển pháp đã đầy, cờ pháp đã dựng, trống pháp đã lập, đèn pháp đã chiếu, vì lợi lạc mà thuyết pháp độ sinh, nay đã đúng thời. Bạch Thế Tôn, sao Ngài nỡ bỏ chúng sinh mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ Phạm vương đứng trước Đức Phật chấp tay tán dương công đức và tha thiết cầu thỉnh Ngài thuyết pháp độ sinh một cách thành thực, nên Đức Phật hứa nhận lời ông thỉnh.

Đầu tiên Ngài đến nước Ba-la-nại ở khu Lộc uyển chuyển vận bánh xe chánh pháp. Ngôi Tam bảo từ đây mới xuất hiện ở thế gian.

Bấy giờ các vị Trời, Người, Rồng, Quỷ thần, tám bộ chúng ai cũng đều hoan hỷ kính vâng phụng hành.

M

Phẩm 2: MA-HA-TÁT-ĐOÀ BỐ THÍ THÂN CHO CỌP

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã đến giờ khát thực. Ngài mang y, cầm bát cùng với A-nan vào thành khát thực. Khi đó có một bà lão chỉ có hai người con trai do tội trộm cắp ngang tàng, chủ nhân bắt được dẫn đến nhà vua, xét theo sự bình đẳng của luật pháp thì tội này phải xử tử, liền giao cho quân pháp đem đến pháp trường. Trên đường đi gặp Phật, cả ba mẹ con hướng đến Phật đánh lễ cầu xin cứu giúp:

–Bạch Thế Tôn, xin Ngài rủ lòng thương xót nỗi khổ, cứu giúp mạng sống con tôi.

Với sự thành tâm chí thiết thật đáng thương tâm, Như Lai với lòng Từ bi, liền sai A-nan đến chỗ nhà vua để xin tha mạng. Sau khi nghe lời Đức Phật dạy, vua liền cho phóng thích họ.

Thoát được sự hiểm nguy, cảm ân đức cao dày của Đức Phật, họ vui mừng không xiết đi đến chỗ Đức Phật đánh lễ sát đất, chấp tay thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, mong nhờ hồng ân của Phật mà chúng con được thoát chết, cúi mong Đức Thế Tôn, vì chúng con, rộng mở tâm Từ bi chấp nhận chúng con vào đạo.

Đức Phật chấp nhận và nói: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Tự nhiên râu tóc họ rụng xuống, áo quần đang mặc biến thành pháp y ca-sa, trong tâm phát khởi cung kính và lòng tin vững chắc. Sau đó Đức Phật thuyết pháp, các trần cấu được đoạn tận, hai người con chứng quả A-la-hán và người mẹ chứng quả A-na-hàm.

Bấy giờ A-nan thấy rõ sự việc như vậy, liền ca ngợi:

–Thật là việc rất hiếm có.

Ca ngợi vô lượng đức hạnh của Đức Như Lai rồi ngài tự nghĩ: “Ba mẹ con người này do phước nghiệp gì từ đời trước mà nay gặp được Thế Tôn, thoát khỏi tội nặng lại chứng được Niết-bàn? Ngay tại đời này gặp được nhiều lợi ích thù thắng như vậy? Thật

là may mắn quá!”

Đức Phật dạy A-nan:

–Ba vị này chẳng những ngay kiếp này Ta đã cứu mạng sống mà trong kiếp quá khứ lâu xa Ta cũng đã từng gia ân cứu giúp mạng sống của họ.

Ngài A-nan bạch Phật:

–Không rõ trong quá khứ lâu xa, Đức Thế Tôn cứu mạng sống của họ bằng cách nào, mong Đức Thế Tôn dạy rõ.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, vào thuở quá khứ xa xưa, cách nay vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tại Diêm-phù-đề này có một vị vua nước lớn tên là Ma-ha-la-đàn-na (*Tên gọi là Đại Bảo*), cai trị ba ngàn nước nhỏ. Vua có ba người con: Người thứ nhất tên là Ma-ha-phú-ninh. Người thứ hai tên là Ma-ha-đề-bà. Người thứ ba tên là Ma-ha-tát-đỏa. Người con út này hay thực hành hạnh Từ bi, thương xót mọi loài như con ruột.

Một hôm, đức vua cùng quần thần, phu nhân và các thái tử ra ngoài thành du ngoạn ngắm cảnh. Đi một quãng nhà vua muốn nghỉ mệt dưới gốc cây. Khi đó ba vị thái tử đi vào rừng chơi, thấy con cọp mẹ sinh hai cọp con, dáng bộ đói khát suy kiệt lại muốn ăn thịt con của nó. Khi đó người em nói với hai anh rằng:

–Con hổ này khốn khổ khóc liệt, suy yếu kiệt quệ lại mới sinh hai cọp con, em xem thấy nó muốn ăn hai con nó.

Hai người anh đều đáp:

–Đúng như lời em nói.

Người em lại hỏi:

–Con hổ này thường ăn thứ gì?

Hai người anh đáp:

–Nó ăn thịt và huyết tươi.

Khi hiểu được như vậy, người em nói:

–Nay có ai có thể hy sinh, làm việc cứu mạng nó để nó được sống còn không?

Hai người anh đáp:

–Việc ấy khó lắm.

Lúc đó người em tự nghĩ: “Ta từ trước tới nay trong dòng sinh tử đã bỏ thân này vô số kể. Nhưng việc xả bỏ thân mạng hoặc vì tham dục, sân hận hoặc si mê chưa lần nào vì đạo pháp; nay gặp phước điền, thân này đâu có thiết. Sau khi suy nghĩ kỹ và quyết định, cả ba anh em tiến về phía trước. Đi chưa xa lắm, người em nói với hai anh:

–Hai anh cứ đi, em có chút việc riêng.

Nói rồi, người em quay ngược lại, theo lối cũ đi đến với ba mẹ con cọp, gieo mình nơi miệng cọp mẹ, nhưng vì quá kiệt sức cọp mẹ không thể há mồm ăn được. Khi ấy thái tử liền lấy que nhọn đâm vào thân mình khiến chảy máu, hổ mới liếm được. Liếm xong hổ tỉnh táo mới đứng dậy há miệng ăn thịt thái tử.

Hai anh đợi một hồi lâu không thấy trở lại liền đi tìm kiếm, bỗng nhớ lại ý định của người em trước đây, chắc đến nơi đó để thí thân cho mẹ con cọp. Khi hai người anh đến nơi thì thấy thi thể của Ma-ha-tát-đỏa nằm trước mặt hổ, hổ ngấu nghiến ăn, máu thịt lai láng. Hai người anh thấy vậy vật vã trên đất bất tỉnh, một lúc sau mới hồi tỉnh.

Bấy giờ phu nhân đang nghỉ mệt dưới gốc cây, nằm mộng thấy có ba con chim bồ câu đang đùa giỡn trong rừng, bỗng nhiên có con chim ưng xuất hiện vỗ mắt chim bồ

câu nhỏ. Tỉnh giấc, hoàng hậu hướng đến vua, thuật lại câu chuyện:

–Thiếp nghe người ta bàn rằng: “Mộng thấy chim bồ câu tức có liên hệ đến con cháu, nay con bồ câu nhỏ bị chết tức có liên hệ đến ái tử, người con út của chúng ta gặp việc không lành.”

Vua liền sai bề tôi thân cận đi khắp nơi để tìm kiếm, chưa được bao lâu thì hai người anh trở về. Cha mẹ liền hỏi:

–Ái tử yêu quý của ta nay đang ở đâu?

Hai người anh nghẹn ngào không nói được nên lời, một lúc sau mới thốt ra được:

–Em của con đã bị hổ ăn thịt rồi!

Cha mẹ vừa nghe nhào người xuống đất chết lặng không hay biết gì nữa, thật lâu sau đó mới tỉnh lại. Rồi vua, phu nhân và hai người con cùng nhóm thể nữ tức tốc đi đến chỗ thi thể của thái tử, khi đến nơi hổ đói đã ăn hết thịt, còn lại bộ xương nằm bừa bãi trên đất. Người mẹ nâng cái đầu, cha giữ đôi tay, thương khóc thảm thiết, ngất rồi lại tỉnh.

Sau khi Ma-ha-tát-đỏa mạng chung, liền sinh lên cõi trời Đâu-suất, tự nghĩ: “Ta do nhân duyên gì mà thọ nhận được quả báo này?” Ngài liền dùng Thiên nhãn quán sát khắp năm cõi thấy tử thi trước của mình đang ở trong núi, cha mẹ đang còn luyến tiếc thương khóc. Vì thương cha mẹ mê mờ không biết nên mới thương khóc thảm thiết, có thể do thương tiếc buồn rầu mà ảnh hưởng nguy hiểm đến tánh mạng, ta làm sao để lựa lời can gián. Sau khi nghĩ vậy, Ngài bèn từ cõi trời bay xuống đứng giữa không trung mà giải thích và khuyên can.

Hai người trông lên và hỏi:

–Ông là thần gì xin cho biết?

Từ trên không trung, ngài trả lời:

–Con là Ma-ha-tát-đỏa do xả thân cứu cạp đói nên được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thưa phụ hoàng và mẫu thân, nên biết rằng tất cả sự việc đều trở về không, có sinh ra tất phải có hồi kết thúc, làm ác thì đọa địa ngục, làm lành thì được sinh Thiên. Sống chết là lẽ thường nhiên cha mẹ không nên mãi chìm đắm trong biển khổ phiền não sâu ưu, mà sớm tự mình giác ngộ, siêng năng tu tập, làm các việc lành.

Cha mẹ đáp:

–Con thực hành hạnh Từ bi, thương xót tất cả, bỏ cha mẹ mà chọn lấy cái chết, lòng cha mẹ luôn luôn nhớ nghĩ đến con, thương nhớ đứt từng khúc ruột, cha mẹ ngày đêm nhớ thương sâu khổ, con lo tu hạnh Từ bi như vậy có xứng hợp không?

Bấy giờ, trên không trung người con dùng nhiều lời kệ có nội dung khéo léo, nhiệm mầu để báo đáp công ân cha mẹ. Cha mẹ nghe xong bớt đi sầu muộn và có phần tỉnh ngộ. Sau đó vua cha làm hòm bằng thất bảo, thu xương cốt bỏ vào trong, cho an táng và xây tháp phụng thờ. Ngài trở về cung trời. Vua, hoàng hậu cùng tất cả trở về hoàng cung.

Đức Phật dạy A-nan:

–Thuở ấy, đại vương Ma-ha-la-đàn-na chẳng phải ai khác, nay chính là phụ vương của Ta, Duyệt-đầu-đàn. Vương phu nhân là mẹ của Ta, Ma-ha Ma-ya. Ma-ha-phú-nan-ninh, nay là Di-lặc. Thái tử Ma-ha-đề-bà nay là Bà-tu-mật-đa-la. Thái tử Ma-ha-tát-đỏa, chẳng phải ai khác chính là Ta đây. Hổ mẹ nay chính là lão mẫu. Hai hổ con tức là hai người con trai này. Ta vào kiếp quá khứ đã cứu họ được an toàn tánh mạng. Ta nay đã thành Phật cũng cứu thoát họ khỏi ách nạn kia và thoát được nỗi khổ lớn sinh tử luân hồi.

Bấy giờ ngài A-nan cùng mọi người trong hội chúng nghe Đức Phật dạy như thế, đều hoan hỷ phụng hành.

M

Phẩm 3: HAI VỊ PHẠM CHÍ THỌ TRAI GIỚI

Tôi nghe như thế này, một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc đầu đêm có hai vị trời đến chỗ Đức Phật, thân phóng ra ánh sáng chiếu khắp vườn Kỳ hoàn, sắc như màu vàng. Đức Phật cũng tùy nghi mà diễn nói Diệu pháp. Cả hai vị tâm ý đều được khai ngộ và chứng được Đạo tích (*Nhập lưu*). Họ đảnh lễ Đức Phật và trở về cõi trời.

Sáng sớm ngày mai ngài A-nan hỏi Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đêm hôm qua có hai vị trời đến yết kiến Thế Tôn, con thấy họ oai tướng rạng ngời, ánh sáng tỏa khắp, ngày trước họ tạo công đức gì mà nay lại được kết quả thù thắng như vậy?

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan, vào thời Phật Ca-diếp, sau khi Phật diệt độ, chánh pháp bước vào thời kỳ cuối cùng, có hai vị Bà-la-môn thọ trì tám pháp trai giới. Một người mong được sinh lên trời, còn vị kia mong được làm vua một nước.

Người thứ nhất khi trở về nhà, bị người vợ ép cùng ăn phi thời. Người chồng đáp:

– Anh đã thọ trai giới, quá giờ ngộ không được ăn.

Người vợ nói:

– Anh thuộc dòng họ Phạm chí đã sẵn có giới pháp, tại sao anh lại đi thọ trai giới của ngoại đạo, rồi sinh ra mâu thuẫn không cùng ăn với em. Việc này em sẽ đem ra nói cho các Phạm chí khác được biết, họ sẽ đuổi và không cho anh tham dự vào các buổi hội họp.

Sau khi nghe lời hăm dọa, ông ta rất đỗi sợ hãi liền cùng người vợ ăn uống phi thời. Hai người tùy theo tuổi thọ dài ngắn rồi cũng đều chết.

Người mong làm vua, do công phu trì trai giữ giới trọn vẹn nên được sinh trong gia đình vương giả. Người mong sinh lên trời, do phạm trai giới, nên sinh trong loài rồng.

Bấy giờ có một người giữ vườn cho vua, ngày ngày dâng các loại trái cây. Sau đó người này đi ra ngoài dòng suối, thấy được một quả nài khác lạ vô cùng ở trong nước, màu sắc và mùi vị rất thơm ngon, liền nghĩ: “Ta mỗi ngày ra vào thường gặp quan môn giám, nên đem biếu cho ông ta.” Sau khi nghĩ như vậy, ông liền đem biếu cho quan giám môn. Sau khi nhận, liền nghĩ: “Mọi việc của ta tốt đẹp đều nhờ quan hoàng môn, nhờ ông mà được tới lui, nên đem biếu cho ông ta”, liền đem quả nài biếu cho quan hoàng môn. Quan hoàng môn nhận rồi đem biếu cho phu nhân, phu nhân đem dâng cho vua. Vua ăn trái xong biết được mùi vị thơm ngon tuyệt vời liền hỏi phu nhân trái này từ đâu mà có. Phu nhân thuật lại ngọn ngành, được biết từ quan viên giám, vua cho triệu vào và hỏi:

– Vườn của ta có trái thơm ngon như vậy, sao không thấy dâng cho ta, mà lại đem cho người khác.

Quan viên giám giải thích rõ đầu đuôi. Vua ra lệnh:

– Từ nay về sau, ngày nào cũng dâng quả nài này cho ta, không được gián đoạn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Quan viên giám tâu:

–Quả nài này không thấy gốc gác, hạ thần nhật được từ dòng suối, nếu nhà vua ra lệnh ngày nào cũng đem dâng thì không làm sao mà hoàn thành được.

Nhà vua nghiêm khắc phán lệnh:

–Nếu nhà ngươi không hoàn thành nhiệm vụ, ta sẽ xử tử.

Quan viên giám thất thểu bước ra, tiến về khu vườn khóc lóc sầu não. Tiếng khóc càng lúc càng lớn, rỗng nghe tiếng khóc hiện làm thân người, tiến đến gần hỏi:

–Ông có chuyện gì mà buồn thảm khóc lóc như vậy?

Quan giữ vườn trình bày đầy đủ sự việc, rỗng liền trở lại dòng nước, lấy nhiều quả ngon ngọt đặt trên mâm bằng vàng, đem đến cho quan viên giám và bảo:

–Ông đem mâm quả này dâng đến nhà vua của ông và nhắc lại rằng: ‘Ta và vua trước đây là bạn hữu, kiếp trước ở trên thế gian này đều thuộc dòng Phạm chí, cả hai cùng thọ giới Bát quan trai, mỗi người có một ý nguyện. Ông ta giữ giới trọn vẹn được làm ngôi vua, còn ta không giữ giới hoàn toàn nên sinh vào trong loài rỗng.’ Nay ta muốn thọ trì và tu tập pháp Bát quan trai để xả bỏ thân này, mong vua tìm giúp ta một phương tiện để thọ trì tám pháp trai giới. Nếu trái với ý định ta sẽ lật úp quốc độ của vua biến thành biển cả.

Quan viên giám khi nhận được mâm quả đem dâng cho vua và trình bày lại những lời nhắn gửi của rỗng. Vua nghe xong trong lòng không vui. Tại sao? Vì hiện tại ở trong nước không có truyền bá Phật pháp, văn kinh Bát quan trai cũng đã tận diệt từ lâu, nay không cách nào mà kiếm ra được, nếu không cân nhắc vấn đề này, sợ rằng sẽ có nguy hại đến đất nước. Ngày đêm dốc tâm vào việc này nên vua sinh buồn rầu lo lắng. Nhà vua, lúc ấy có một vị đại thần, được mọi người hết sức kính trọng, vua nói với vị đó:

–Thần rỗng nhờ ta tìm giúp bài văn Bát quan trai giới. Mong khanh làm được, ta giao việc này cho khanh.

Vị đại thần tâu:

–Thời nay không có Phật pháp, làm sao mà kiếm ra được?

Nhà vua lại ra lệnh:

–Khanh không làm được việc này, ta sẽ giết khanh.

Khi nghe vua phán như vậy, vị ấy tâm ý buồn rầu liền trở về nhà. Vị đại thần có một người cha già tuổi rất cao, bất kỳ khi nào về nhà ông cũng luôn tỏ ra vui vẻ để làm vui lòng người cha, nhưng hôm đó người cha thấy sắc mặt của con khác thường, ông liền hỏi con có chuyện gì xảy ra. Người con nói ra sự việc. Người cha nói:

–Nhà ta có cây trụ, ngày đêm phát ra ánh sáng con thử phá ra xem sao, chắc có vật gì kỳ lạ bên trong.

Nghe theo lời cha, người con sai người cầm rìu bở cây, lấy ra được hai quyển kinh: Một quyển kinh Thập Nhị Nhân Duyên và một quyển văn thọ giới Bát quan trai. Vị đại thần liền đem dâng vua, vua rất mừng đến nỗi mất tự chủ, vua liền sai lấy mâm vàng đặt quyển kinh lên biểu cho rỗng, rỗng nhận được kinh lòng rất hân hoan, đem rất nhiều báu vật dâng tặng cho vua. Rỗng liền thọ trì tám pháp trai giới một cách tinh tấn chuyên cần. Sau khi mạng chung liền sinh Thiên giới. Nhà vua cũng vậy, lo tinh tấn tu tập Bát quan trai giới nên sau khi chết cũng sinh lên cõi trời cùng ở một chỗ.

Đến đây, Đức Phật dạy:

–Này A-nan đêm hôm qua hai vị trời ấy đến nghe Ta thuyết pháp chứng được quả Tu-đà-hoàn, vĩnh viễn ra khỏi ba đường, dạo đi trong cõi trời, cõi người, sau cùng sẽ đắc

được đạo quả Niết-bàn.

Đức Phật dạy xong, tất cả trong chúng hội đều hoan hỷ phụng hành.

M

Phẩm 4: MỘT NGƯỜI NGHÈO Ở XỨ BA-LA-NAI CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT

Tôi nghe vậy:

–Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trong nước có Đại trưởng giả sinh một người con trai, mặt mày khôi ngô, vừa sinh được mấy ngày đã biết nói. Cậu bé hỏi cha mẹ:

–Đức Phật đang còn tại thế không?

Đáp:

–Đang còn.

Lại hỏi:

–Ngài Xá-lợi-phất và A-nan còn tại thế không?

Đáp:

–Vẫn đang còn.

Cha mẹ cậu bé suy nghĩ: “Nếu sinh ra liền biết nói, đây chắc không phải là người, một hiện tượng hết sức quái dị! Họ liền đến hỏi Phật. Đức Phật dạy:

–Đưa hài nhi này rất có phước đức, không nên hoài nghi.

Cha mẹ cậu bé nghe vậy, tâm rất hoan hỷ liền trở về nhà.

Cậu bé nói:

–Con muốn cha mẹ thỉnh Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng về nhà để cúng dường.

Cha mẹ đáp:

–Muốn thỉnh Phật và chúng Tăng cần phải chuẩn bị đầy đủ nghiêm túc, không thể không chu đáo.

Người con nói:

–Cha mẹ cho quét dọn nhà cửa sạch sẽ, giường chiếu trang nghiêm, bày ba tòa cao đẹp, rồi trăm món ăn thượng vị tự nhiên sẽ có. Con còn một bà mẹ nữa nay đang còn sống ở tại nước Ba-la-nại, xin cho người mời về.

Cha mẹ đồng ý cho người cấp tốc mang xe voi mời về. Nguyên nhân cho bày ba tòa cao: Một là cúng dường cho Đức Như Lai, hai là cho bà mẹ sinh, ba là cho bà mẹ dưỡng.

Khi Đức Phật và chúng Tăng vào nhà theo thứ tự mà ngồi, đồ ăn ngon bổ được dọn ra đầy đủ và đẹp đẽ. Đức Phật thuyết pháp, người cha, hai người mẹ cùng các vị trong nhà đều nghe và chứng được Sơ quả.

Cậu bé sau khi lớn cũng xin xuất gia, siêng năng tu tập Chánh đạo và chứng đắc quả A-la-hán.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Sa-môn này do phúc đức và thiện căn đời trước như thế nào, mà nay được sinh vào gia đình giàu có, mới sinh liền biết nói, lại được học đạo và đắc quả Thần thông?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, vị ấy kiếp trước sinh trong một gia đình trưởng giả ở Ba-la-nại, sau khi cha mẹ mất, gia sản tiêu hao đi đến bần cùng khốn khổ. Tuy gặp Phật ở đời nhưng

không có gì để cúng dường, trong lòng không vui, tự thấy bế tắc. Một hôm anh ta nghĩ: “Ta nên xả bỏ mặc cảm đồng họ làm người thuê mướn.” Sau đó một năm anh ta đòi mượn tiền của chủ.

Chủ hỏi:

–Anh mượn tiền cưới vợ phải không?

Đáp:

–Không.

Người chủ hỏi:

–Vậy ông hỏi mượn tiền để làm gì?

Đáp:

–Tôi muốn dùng số tiền đó mua sắm lễ vật, trai phạn để cúng dường Phật và chúng Tăng.

Người chủ giàu có nói:

–Nếu thỉnh Phật và chúng Tăng thì ta sẽ cho tiền và lo tổ chức trai hội tại tư gia của ta.

Anh ta đồng ý, liền lo thiết trai, những món ngon lạ quý hiếm thỉnh Phật và chúng Tăng đến cúng dường. Do những nhân duyên đó mà nay, sau khi chết, được sinh vào nhà trưởng giả giàu có, thỉnh Phật, Tăng cúng dường, nghe được chánh pháp và chứng đắc đạo quả.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, người bạn cùng ở kiếp trước đó, nay là con của vị trưởng giả, là bậc Sa-môn này vậy.

Sau khi nghe Đức Phật dạy, tất cả người trong hội chúng đều hoan hỷ ghi nhớ phụng hành.

M

Phẩm 5: THẦN BIỂN VẤN NẠN CÁC THUYỀN KHÁCH

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, trong nước có năm trăm người lái buôn định ra biển để tìm châu báu, họ bàn với nhau, cần thỉnh cầu một người sáng suốt tài đức để dẫn đường. Sau đó họ tìm và mời được một vị Ưu-bà-tắc, thọ trì năm giới cùng đi với họ vào biển cả.

Khi đang lênh đênh trên biển, vị Thần biển biến thành quỷ Dạ-xoa, hình thể xấu xí, sắc diện tái xanh, răng nanh chĩa ra, lửa dữ trên đầu, đến nắm thuyền lại rồi hỏi.

–Này các lái buôn, trên thế gian này có ai đáng sợ hơn tôi không?

Vị hiền giả đáp:

–Có người đáng sợ hơn ông gấp trăm ngàn lần.

Thần biển hỏi:

–Đó là những ai?

Đáp:

–Trên đời có nhiều kẻ ngu, làm những việc bất thiện: giết hại, trộm cắp, dâm dật vô độ, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, dùng lời trau chuốt, tham dục, sân hận, chìm sâu vào tà kiến, chết đọa địa ngục, chịu khổ muôn điều, quân ngục tốt bắt kẻ có tội trừng trị theo nhiều cách, hoặc dùng đao đâm, dùng xe nghiền nát ra nhiều mảnh, hoặc bỏ vào cối để giã, hoặc xay và các hình phạt như núi đao, rừng kiếm, xe lửa, vạc dầu, nước sôi,

bằng giá, nước tiểu... tất cả chịu khổ, trải qua ngàn vạn năm, như vậy thật là đáng sợ hơn ông rất nhiều.

Quý Dạ-xoa nghe xong buông thuyền cho đi, rồi ẩn hình biến mất, thuyền đi được vài dặm, thân biển liền hóa hình thành một người, hình thù xấu xí, gân cốt liền nhau, nắm thuyền kéo lại, hỏi mọi người:

–Này các ông, trong thế gian có ai xấu hơn tôi không?

Vị hiền giả đáp:

–Có nhiều kẻ xấu xí hơn ông rất nhiều.

Vị Thần biển hỏi:

–Ai là người xấu hơn?

Hiền giả đáp:

–Có kẻ ngu si, tâm tánh xấu ác, tham lam, đố kỵ, không biết bố thí, sau khi chết đọa kiếp ngạ quỷ thân lớn như ngọn núi, cổ bé như cây kim, đầu tóc rối bời, hình thể đen xấu, trải qua muôn ngàn năm không biết cơm, nước ra sao? Chịu những cực hình như vậy, một cách kịch liệt hơn ông nhiều.

Thần biển buông thuyền cho đi, rồi ẩn mình biến mất. Thuyền đi được vài dặm, Thần biển lại biến thành một người vô cùng xinh đẹp, đến vịn thuyền hỏi:

–Này các khách buôn, trong đời có ai đẹp hơn ta không?

Vị hiền giả đáp:

–Có người đẹp gấp trăm ngàn lần vẻ đẹp của ông.

Thần biển hỏi:

–Ai đẹp hơn ta?

Đáp:

–Trong đời gặp người có trí, tôn trọng và thực hành các điều lành, luôn giữ thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh, tin kính Tam bảo. Tùy lúc cúng dường, người ấy mang chung được sinh lên cõi trời, hình thể trong sáng, tướng mạo trang nghiêm, sắc đẹp vượt ông trăm ngàn vạn lần. Nếu đem ông mà so sánh thì cũng giống như con khỉ cái so với cô gái trẻ đẹp.

Thần biển lại bốc một vốc nước rồi hỏi:

–Nước trong tay ta nhiều hay nước trong biển nhiều.

Vị hiền giả đáp:

–Nước trong tay ông nhiều hơn nước trong biển.

Thần biển hỏi:

–Ông nói như vậy, có thành thật không?

Đáp:

–Lời nói của tôi hết sức thành thật, không bao giờ hư dối.

Thần biển liền hỏi:

–Ông lấy gì để chứng minh cho cách nói đó.

Vị hiền giả đáp:

–Nước trong biển tuy nhiều nhưng cũng có ngày khô cạn, khi trời tai kiếp đến hai mặt trời xuất hiện thì ngòi, lạch, suối, ao khô cạn. Ba mặt trời xuất hiện thì các sông nhỏ khô cạn. Bốn mặt trời xuất hiện thì các sông lớn, biển nhỏ khô cạn, khi năm mặt trời xuất hiện thì biển lớn lượng nước giảm bớt. Sáu mặt trời xuất hiện thì lượng nước ba phần giảm bớt hai, khi bảy mặt trời xuất hiện thì nước biển cạn hết. Núi Tu-di băng hoại, cho đến khu vực núi Kim cương cũng đều cháy rụi.

Nếu có người đầy đủ tín tâm dùng vốc nước đó mà cúng dường Đức Phật hoặc chư Tăng hay dâng cho cha mẹ, hoặc bố thí cho kẻ bần cùng hoặc cho cầm thú thì công đức này trải qua nhiều kiếp cũng không hết được. Qua sự trình bày đó thì đã rõ là nước trong biển kia so với nước trong nắm tay kia không nhiều lắm.

Thần biển nghe xong lòng rất hoan hỷ liền đem châu báu dâng tặng Hiền giả và gửi cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng. Đến đây, các người lái buôn cùng vị Hiền giả thu nhặt bảo vật đầy đủ trở về nước. Sau khi về nước, họ đem số bảo vật mà Thần biển gửi cúng dâng lên Đức Phật và chúng Tăng. Tất cả đều đánh lễ Phật, quỳ xuống chấp tay và bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con xin Đức Thế Tôn từ bi cho chúng con được xuất gia học đạo.

Đức Thế Tôn thấy cơ duyên đã đến, Ngài chấp nhận và gọi: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Tất cả họ râu tóc đều rụng, thân mặc Pháp y. Đức Phật thuyết pháp ứng hợp với căn cơ, tất cả đều được khai ngộ, các dục đều được vắng lặng chứng quả A-la-hán.

Tất cả hội chúng nghe Phật thuyết pháp, tất cả đều hoan hỷ ghi nhớ, cung kính thực hành.

M

Phẩm 6: HẰNG-GIÀ-ĐẠT

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Thế Tôn trú tại tinh xá vườn Trúc, nước La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ, ở trong nước có quan phụ tướng, nhà cửa giàu có mà không có con. Ở bên sông Hằng có một ngôi đền thờ thần Ma-ni-bạt-la, nhân dân tại đó đều tôn sùng lễ bái. Một hôm quan phụ tướng đến ngôi đền đó cầu đảo:

– Vợ chồng tôi không có con, được nghe về sự linh ứng của ngài, cứu độ quần sinh, ai cầu gì đều được mãn nguyện, vì thế nay tôi đến xin quy y ngài mong ngài chứng giám lời nguyện thành khẩn của tôi và ban cho tôi một đứa con trai. Nếu được như vậy tôi sẽ đem vàng bạc để trang điểm trên thân của ngài và đem hương hoa quý để điểm tô nơi miếu của ngài, bằng không linh nghiệm tôi sẽ phá tan ngôi miếu và đem phân dơ trát vào thân của ngài.

Thiên thần nghe xong liền suy nghĩ: “Người này giàu sang, có thể lực mạnh, chẳng phải thuộc hạng tầm thường, đến đây cầu con nhưng ta đức độ quá ít không thể đáp ứng lời nguyện đó được. Nếu như lời cầu nguyện đó không mang lại kết quả chắc chắn ta phải bị hủy nhục.” Thần miếu liền sang cầu cứu Ma-ni-bạt-la. Ma-ni-bạt-la cũng không đủ sức thực hiện được, liền đến Tỳ-sa-môn vương trình bày sự việc, Tỳ-sa-môn cũng không thể, liền đến Thiên đế để cầu ngài giúp, Tỳ-sa-môn lên trời trình bày sự việc với vua Đế Thích:

– Tôi có một hạ thần tên là Ma-ni-bạt-la lên kêu rằng: “Ở thành Vương xá có quan phụ tướng muốn cầu có được người con và hứa nếu được thì ông ta sẽ cúng dường trọng hậu, còn nếu ngược lại thì ông ta sẽ phá tan ngôi miếu đó và làm nhục tôi.” Tánh khí của người giàu có kia hung hăng chắc chắn sẽ làm như vậy. Thật may mắn, mong Thiên đế cứu giúp cho!

Đế Thích đáp:

– Sự việc này cũng rất nan giải, để ta thử tìm một cách thức nào đó.

Khi ấy có một vị trời năm đức lia thân sắp đến ngày chết, Đế Thích liền bảo:

–Người đến ngày sắp mạng chung nên cầu thọ sinh vào gia đình của quan phụ tướng kia.

Vị Thiên tử đáp:

–Ý thần muốn xuất gia tu tập thực hành chánh pháp. Nếu sinh vào nhà của người giàu có ắt khó xả ly. Thần muốn sinh vào nhà trung lưu để hoàn thành được chí nguyện.

Đế Thích khuyên:

–Người cứ hạ sinh vào gia đình kia đi, rồi muốn xuất gia tu đạo ta sẽ hỗ trợ cho.

Vị trời liền thọ sinh vào gia đình quan phụ tướng. Khi sinh ra đứa bé có tướng mạo rất xinh đẹp. Cha mẹ cho mời tướng sư để đặt tên cho con. Vị tướng sư hỏi:

–Đứa bé này được cầu tự từ đâu?

Quan phụ tướng đáp:

–Cầu ở miếu thần gần bên sông Hằng.

Nhân đó mà đặt tên cho chú bé là Hằng-già-đạt. Càng ngày càng khôn lớn, tâm trí cậu bé chuyên vào chánh pháp. Một hôm cậu ta xin với cha mẹ được xuất gia học đạo. Cha mẹ cậu trả lời:

–Sản nghiệp của cha giàu sang phú quý, chỉ có mình con để nối nghiệp gia đường, nếu con xuất gia thì cha mẹ chẳng có ai sớm khuya hầu hạ.

Do vậy nên cha mẹ cậu đều không ưng thuận. Người con chí nguyện bị trở ngại lòng rất buồn rầu, liền nghĩ: “Có lẽ ta phải bỏ thân này cầu sinh vào một gia đình thường dân, để thực hiện chí nguyện xuất gia chắc dễ dàng hơn nhiều.”

Người con âm thầm ra đi, lên ngọn núi cao lao đầu xuống vực nhưng không bị tổn thương. Lại đến bên bờ sông lao mình xuống nước tự tử, nhưng có dòng nước đưa anh ta trôi dạt vào bờ không gặp hiểm nguy. Anh ta bèn uống độc dược tự sát nhưng thuốc độc không có tác dụng. Anh ta dùng mọi phương tiện để tìm cái chết nhưng vô hiệu, liền nghĩ có lẽ ta làm một việc gì phạm vào pháp vua, sẽ bị vua bắt và giết đi. Khi đó, gặp lúc vua, phu nhân cùng các thể nữ ra khỏi cung thành đến ao vua để tắm rửa, tất cả đều thoát y phục để dưới bụi cây. Hằng-già-đạt lén vào bụi cây đánh cắp y phục đem ra ngoài. Quan môn giám thấy vậy bắt lại dẫn đến vua A-xà-thế tâu. Vua nghe xong nổi giận lôi đình liền lấy cung tên hạ thủ anh ta ngay, nhưng khi tên bắn ra liền bay ngược trở lại ngay hướng của vua. Bắn ba lần như vậy mà không trúng, vua hoảng hốt liền ném cây cung mà hỏi:

–Khanh là Trời, Rồng hay Quỷ thần?

Hằng-già-đạt nói:

–Xin hãy giúp cho tôi hoàn thành được chí nguyện, tôi mới nói.

Vua nói:

–Người nói rồi ta sẽ giúp.

Hằng-già-đạt trình bày:

–Tôi chẳng phải là Trời, cũng không phải là Rồng hoặc Quỷ. Tôi là con của quan phụ tướng ở thành Vương xá, muốn xuất gia học đạo nhưng cha mẹ không chấp thuận, nên muốn tự sát để đầu thai vào nơi khác để dễ hoàn thành ý nguyện. Tôi đã nhảy từ núi cao, lao xuống sông sâu, uống độc dược mà không chết được, vì thế cố ý phạm vào phép vua mong vua gia hình phạt xử tử để hoàn thành ý nguyện, sự tình là như vậy. Với chí nguyện cao cả đó mong ngài chiếu cố thương xót cho lòng mong cầu Chánh đạo của tôi.

Nhà vua nói:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Người có tâm xuất gia tu học Chánh đạo, rất tốt. Khi nhân duyên hội đủ ta sẽ đưa đi đến chỗ Phật.

Vua bạch với Đức Thế Tôn về ý chí mong muốn của chàng trai, Đức Phật bảo: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Râu tóc chàng tự rụng thân mặc pháp y, thành tướng Tỳ-kheo, nghe Phật thuyết pháp, tâm ý khai mở chứng A-la-hán đầy đủ ba Minh, sáu Thông và tám Giải thoát.

Vua A-xà-thế liền bạch Đức Phật:

–Hàng-già-đạt này trước đây đã trồng căn lành gì mà gieo mình từ núi cao không chết, nhảy xuống nước không chìm, độc dược chẳng hại, tên bắn không trúng, lại gặp được Đức Thế Tôn thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Đức Phật dạy:

–Vào quá khứ vô số kiếp về trước, có một nước lớn tên là Ba-la-nại, vua tên là Phạm-ma-đạt.

Bấy giờ vua cùng các mỹ nữ dạo chơi trong rừng, trong lúc các thể nữ đang ca hát, ở ngoài có một người cất tiếng hát họa theo, vua nghe lời hát họa theo đó liền nổi giận cho người tìm bắt rồi hạ lệnh xử tử. Bấy giờ có vị đại thần trấn giữ bên ngoài thấy đem tội nhân đi xử liền hỏi quân hầu thân cận:

–Người này vì lý do gì mà bị vậy?

Mọi người trình bày cố sự.

Vị quan nói:

–Hãy dừng lại! Tội trạng của người này chưa đến nỗi trầm trọng phải phạm vào tội chết, tuy có hát họa theo mà chưa thấy hình hài, cho nên chưa xảy ra chuyện thông dâm với nhau, mong bệ hạ thương xót cho hẩn khỏi tội chết.

Nhà vua đồng ý tha cho ông ta tội chết. Sau khi được tha, ông ta hết lòng phụng sự vị đại thần, siêng năng cần mẫn liên tục trải qua nhiều năm.

Một hôm ông ta tự nghĩ: “Dâm dục có thể đưa con người ta đi đến chỗ chết, sắc như dao kiếm, ta gần như bị khốn khổ cũng do ý niệm dâm dục.” Sau đó ông xin phép với đại thần được đi xuất gia tu hành đạo nghiệp.

Đại thần đáp:

–Tôi không dám trái lời. Nếu khi học đạo hoàn thành, hãy trở lại gặp tôi!

Ông ta hưởng thẳng đến chỗ yên tĩnh núi đầm, chuyên tâm tư duy về giáo lý nhiệm mầu, tinh thần được khai ngộ, sau đó chứng được quả vị Bích-chi-phật. Như lời đã hứa trước đây, ngài trở về thành ghé nhà quan đại thần. Quan đại thần thỉnh ngài ở lại cúng dường ẩm thực ngon và y phục tốt, tứ sự đầy đủ. Khi đó vị Bích-chi-phật biến hiện thân thông ở trong hư không, nước và lửa xuất ra từ thân, phóng ra ánh sáng lớn. Vị đại thần thấy vậy lòng hân hoan vô cùng và lập lời nguyện: “Do ân cứu giúp của tôi trước, nay mong ngài cho tôi đời đời được giàu sang và trường thọ, đạt được những điều đặc thù và vượt bậc gấp trăm ngàn lần, phước đức và trí tuệ và các đức tính khác được như ngài.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương, vị đại thần cứu sống một người thuở ấy liền được đắc đạo nay chính là Hàng-già-đạt, do nhân duyên đó nay được sinh vào xứ này, không bị chết yểu, sinh ra đời gặp được Ta và chứng được đạo quả A-la-hán.

Đức Phật dạy xong, tất cả hội chúng đều kính tin, hoan hỷ phụng hành.

M

Phẩm 7: THÁI TỬ TU-XÀ-ĐỀ

Tôi nghe như thế này:

Một thời Đức Phật trú tại tinh xá vườn Trúc, thuộc nước La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng với A-nan vận y, cầm bát vào thành khát thực. Trong thành có hai ông bà lão đã mù đôi mắt, bần cùng khổ khổ, không nơi nương tựa, ngày đêm chỉ ngủ dưới ngọc môn. Hai người chỉ có một cậu con trai lên bảy, thường ngày đi ăn xin để về nuôi cha mẹ, xin được hoa quả tươi, thức ăn ngon thì đem về dâng cha mẹ, còn lại đồ dư dả thuộc phần mình. Khi ấy ngài A-nan trông thấy chú bé còn nhỏ mà biết cung kính hiếu thuận cha mẹ liền đem lòng thương mến, một hồi sau Đức Phật và A-nan khát thực xong trở về tinh xá.

Đúng thời Đức Thế Tôn diễn thuyết chánh pháp cho đại chúng. Ngài A-nan quỳ xuống chấp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, sáng nay cùng với Thế Tôn đi vào thành khát thực, con thấy một cậu bé có tâm Từ bi rất hiếu thuận với cha mẹ, cha mẹ đều mù, ở dưới cửa thành, đi khát thực cùng khắp nếu được hoa quả tươi tốt, đồ ăn ngon, thì đem dâng cha mẹ, còn đồ dư thối thì mình ăn, thường ngày như thế, thật đáng thương quý!

Đức Phật dạy A-nan:

–Bất luận là xuất gia hay tại gia mà có lòng hiếu thuận với cha mẹ thì công đức không thể nghĩ bàn, thù thắng khó lường. Vì sao? Ta nhớ vào kiếp quá khứ Ta có Từ tâm, hiếu thuận với cha mẹ, hết lòng hiếu thuận đến nỗi lấy thịt nơi thân mình mà cứu sống cha mẹ gặp lúc ngặt nghèo nguy khốn, nhờ công đức này mà trên Thiên đế dưới Thánh chủ cho đến nay thành Phật, Bạc Tối Tôn trong ba cõi đều từ phước đức này.

Ngài A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con không hiểu trong thời quá khứ Ngài báo hiếu cha mẹ, không tiếc thân mạng kể cả cắt thịt thân mình mà cứu cha mẹ trong lúc gặp nguy khốn. Sự việc diễn ra như thế nào mong Đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật dạy A-nan:

–Hãy lắng nghe và suy nghiệm cho kỹ.

Ngài A-nan vâng lời và chú ý nghe.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, vào kiếp quá khứ vô lượng, vô số a-tăng-kỳ, trong cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn là Đạc-xoa-thi-lợi, vua tên là ĐỀ-bà. Vua có mười vị thái tử, mỗi người cai trị một nước, người con út tên là Tu-bà-la-đề-trí (đời Tán dịch là Thiên Trúc), cũng cai trị một nước, nhân dân mến chuộng, rất an lạc và sung túc.

Vào lúc đó, ở nước của vua cha có quan đại thần tên là La-hầu, ôm lòng phản nghịch giết chết đại vương, soán đoạt ngôi vua, liền cất binh đi thanh toán các thái tử ở các nước nhỏ. Người em út được Quỷ thần tôn kính, một hôm ông vào trong vườn để ngoạn cảnh có quý Dạ-xoa hiện lên quỳ xuống thưa:

–Đại thần La-hầu đã phản nghịch giết vua cha, bây giờ đang cất quân đi giết các anh của ngài rồi sẽ cho người đến đây để giết ngài, ngài nên tìm cách mà lánh xa cái tai họa đó đi.

Khi vua nghe như vậy, trong tâm bồi hồi lo sợ chờ lúc trời tối tìm cách lẩn trốn ra đi; còn người con trai tên là Tu-xà-đề (đời Tán dịch là Thiện Sinh), vừa mới lên bảy, thông minh tuấn tú, rất là đáng yêu, vua thương nhớ con, bèn quay trở lại ẵm đứa con trai, buồn khổ than khóc, người vợ trông thấy vua ra vào hoảng hốt lo sợ, liền hỏi:

–Có chuyện gì xảy ra mà phu quân ở trong trạng thái bồi hồi lo sợ như vậy?

Vua đáp:

–Khanh không nên biết.

Bà kéo vua lại và nói:

–Thiếp cùng bề hạ, thân mạng như một, khi gặp hiểm nguy cùng nhau chia sẻ, chớ nên bỏ đi, có chuyện gì nên cho thiếp biết.

Vua liền nói:

–Ta đang dạo chơi trong vườn có một con quỷ Dạ-xoa hiện lên, quỳ xuống thưa với ta rằng đại thần La-hầu đã dấy binh làm phản nghịch, đã giết phụ vương ta, đang đem binh lính giết hại các anh ta và nay đang đem quân đến muốn giết hại ta, nên tìm cách lánh đi. Ta nghe như vậy trong lòng lo sợ, ta sợ quân phản nghịch kéo đến rất nhanh, cho nên ta phải cấp tốc ra đi lánh nạn.

Người vợ quỳ xuống thưa rằng:

–Tâu bề hạ cho thiếp được theo hầu, đừng bỏ thiếp một mình mà ra đi.

Lúc đó vua cùng vợ và con ra đi đến một nước khác. Lộ trình đi đến nước đó có hai con đường, thứ nhất mất bảy ngày và thứ hai mất mười bốn ngày. Lúc đầu lo sợ chỉ chuẩn bị lương thực cho bảy ngày chỉ đủ một người ăn, nhưng lúc ra khỏi thành do tâm thần hỗn loạn, nên rẽ sang lộ trình mười bốn ngày. Trải qua vài ngày lương thực đã cạn kiệt, chịu đựng cơn đói dữ dội, không có cách nào khác, vì người con yêu, vua dự tính lấy thịt của mẹ để cứu sống con. Vua bảo người vợ dẫn con đi trước, vua ở sau rút đao để lấy thịt người mẹ, bất chợt người con nhìn lại thấy vậy, liền chấp tay thưa với phụ vương:

–Xin phụ vương hãy giết con đi, chớ hại đến mẹ con.

Người con hết lòng can gián cứu được mẹ sống và thưa với phụ vương:

–Không nên đoạn dứt mạng sống của con, chỉ cắt dần thịt ăn để vượt qua những ngày khốn khó, nếu dứt mạng sống thì thịt không để lâu được và sẽ bị thối rữa ra.

Cha mẹ lòng đau như cắt buồn rầu áo não, không các cách nào khác đành cắt thịt con mà ăn. Ngày ngày ăn thịt con, đến khi gần hết, chỉ còn toàn xương mà chưa đến xứ sở đó, càng lúc nạn đói càng nguy cấp. Nhà vua lại cầm đao cắt thêm một ít thịt nữa, đến lúc cha mẹ sắp từ già, người con thưa:

–Mạng con sắp chết xin cha mẹ cho con một phần thịt, cha mẹ đồng ý chia làm ba phần, hai phần mang đi ăn và một phần để lại cho con gồm cả da, thịt, mắt, tai, mũi, lưỡi...

Lúc cha mẹ ra đi, người con lập nguyện: “Nay ta đem thịt của chính mình dâng lên cha mẹ xin hồi hướng công đức này để mong cầu Phật đạo, rộng độ tất cả chúng sinh trong mười phương, xa lìa các khổ, chứng nhập Niết-bàn.” Sau khi phát nguyện cả ba ngàn thế giới đều chấn động theo sáu cách, chư Thiên ở trong Sắc và Dục giới đều ngạc nhiên không hiểu vì sao mà cung điện bị dao động, liền dùng Thiên nhãn quan sát trong thế gian thấy một vị Bồ-tát đem thịt của chính mình mà cúng dường cho cha mẹ để mong cầu Phật đạo và hóa độ chúng sinh, vì lý do đó cho nên trời đất chấn động. Bấy giờ chư Thiên giáng xuống rất đông, đầy cả hư không, cảm động khốc lóc rơi lệ như cơn mưa lớn.

Bấy giờ có một vị trời Đế Thích muốn thử tấm lòng của thái tử, liền hóa thành đứa bé đến xin, thái tử liền cho cả số thịt đang cầm trong tay, rồi lại hóa ra một con sư tử xông tới định vồ thái tử, thái tử tự nghĩ: “Các loài muông thú này muốn ăn thịt ta, ta còn lại ít thịt xương tủy não cũng bố thí cho nó.” Sau khi suy nghĩ như vậy, tâm thái tử liền hoan hỷ không có hối tiếc. Đế Thích thấy được chí khí cương nghị của thái tử liền hoàn

lại nguyên hình đứng trước mặt thái tử hỏi:

–Nay người thể hiện tâm hiếu, lấy thịt cúng dường cha mẹ, với công đức này nhằm mong cầu điều gì: Thiên đế, Ma vương hay vua Phạm thiên?

Thái tử trả lời:

–Tôi không mong cầu khoái lạc trong tam giới mà với công đức này để mong cầu Phật đạo, rộng độ tất cả vô lượng chúng sinh.

Đế Thích lại hỏi:

–Người đem thân cúng dường cha mẹ có hối hận không?

Thái tử đáp:

–Lời hết lòng thành khẩn đem thân cúng dường cha mẹ không mảy may hối hận.

Thiên đế:

–Ta thấy người đem toàn thân cúng dường cha mẹ mà không hối hận, việc ấy thật khó tin!

Thái tử liền phát thệ nguyện:

–Tôi cúng dường thân nguyện thành Phật đạo, không có hối hận. Để có sự xác tín, tôi với lời nguyện đó, tôi mong thân thể lại bình phục như cũ.

Vừa nói xong, thân thể thái tử được bình phục như cũ. Bấy giờ, Thiên đế Thích và chư Thiên cùng nhau nói lời tán thán: “Lành thay!” Cha mẹ của thái tử và nhân dân trong nước đều đến chỗ thái tử và ca ngợi là việc chưa từng có.

Khi sự việc xảy ra như thế, có một vị vua nước lân cận biết rõ thái tử có một đức tính cao cả đặc thù như vậy, trong lòng cung kính bội phần, hoan hỷ vô lượng, rồi mời cha mẹ cùng thái tử vào cung cúng dường một cách cung kính. Với lòng thương thái tử, vị vua nước lân cận liền cất binh mã cùng với vua Thiện Trụ và thái tử Tu-xà-đề trở về bổn quốc tiêu diệt La-hầu, phục hồi lại ngôi vua, cha con tiếp tục trị vì, đất nước được thịnh trị, thái bình.

Đức Phật dạy ngài A-nan:

–Vua Thiện Trụ lúc bấy giờ chính là phụ vương Bạch Tịnh của Ta ngày nay, mẫu hậu chính là Ma-ha Ma-da, thái tử Tu-xà-đề chính là Ta.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, trong quá khứ Ta đã từng đem thân lấy thịt cúng dường cha mẹ trong lúc nguy khốn, do công đức này được sinh vào nơi cao quý của trời và người, thọ nhận vô lượng phước đức, cũng từ công đức này mà nay Ta thành quả vị Phật.

Trong hội chúng, sau khi nghe Đức Phật giảng về nhân duyên của đời trước tất cả đều thương cảm và ca ngợi hạnh hiếu của Đức Phật rất đặc thù và cao quý. Có người đặc được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hoặc A-la-hán, có người phát tâm vô thượng chân đạo, có người trú ở địa vị Bất thoái. Tất cả đều hoan hỷ nghe theo và phụng hành.

